

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/DS-ST

Ngày 11 tháng 6 năm 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Hoa

2- Ông Nguyễn Công Tân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023. Về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXX -DS ngày 04/05/2024; Quyết định hoãn phiên tòa 54/2024/QĐST-HPT ngày 21/05/2024.

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T- Sinh năm 1977 (Có mặt)

Cư trú: TDP Trung Đ, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q- Sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Cư trú: Thôn Trung Th, xã Hùng S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị H- Sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cư trú: Thôn Trung Th, xã Hùng S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị Lê Thị Thanh H- Sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: TDP Trung Đ, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/8/2024; Bản tự khai; Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Gia đình anh có mở cửa hàng buôn bán sơn để bán cho các hộ dân làm công trình, anh và vợ chồng anh Quân có mối quan hệ quen biết, từ năm 2018 đến năm 2020, anh Quân có đến cửa hàng gia đình anh để mua sơn về làm công trình nhiều lần, có lần thanh toán trả ngay, có lần thì chịu. Các lần mà anh Quân chịu lại tiền mua sơn thì anh đều ghi sổ sách theo dõi. Đến ngày 23/01/2020 anh và anh Quân chốt nợ với nhau thì anh Quân còn nợ lại anh số tiền 90.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ anh đã nhiều lần đòi vợ chồng anh Quân tiền nợ sơn, vợ chồng anh Quân đã trả cho anh được 50.000.000 đồng trả nhiều lần, các lần trả anh đều có sổ theo dõi,

anh Quân ký nhận cụ thể; Ngày 15/3/2021 trả được 10.000.000 đồng; ngày 18/5/2021 trả được 10.000.000 đồng; Ngày 04/01/2022 anh Quân chuyển khoản trả được 15.000.000 đồng; ngày 16/11/2022 anh Quân chuyển khoản trả được 15.000.000 đồng, từ đó đến nay vợ chồng anh Quân không trả thêm cho anh được khoản tiền nào khác, anh đã đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng anh Quân không trả. Hiện nay vợ chồng anh Quân còn nợ anh tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu anh Quân và vợ là chị Huệ thanh toán trả anh số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Anh yêu cầu trả tiền lãi là 10%/ năm, tính từ ngày từ ngày chốt nợ ngày 23/01/2020.

Tại phiên tòa anh yêu cầu vợ chồng anh Quân phải trả cho anh số tiền lãi là 10%/ năm tính từ ngày anh Quân trả tiền nợ cho anh ngày cuối cùng ngày 16/11/2022 cho đến ngày xét xử tính tròn 18 tháng = 6.000.0000 đồng

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án lần việc, không có bản khai gửi cho Tòa án; không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh H tại biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2023 trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Văn T, vợ chồng chị có mở cửa hàng bán sơn, anh Quân có đến cửa hàng chị lấy sơn nhiều lần về làm công trình cho các hộ dân, hai bên có chốt nợ vào ngày 23/01/2020 anh Quân còn nợ số tiền 90.000.000 đồng. Vợ chồng chị đã nhiều lần liên hệ và đòi anh Quân tiền, vợ chồng anh Quân đã trả được số tiền 50.000.000 đồng, lần trả cuối cùng vào tháng 11/2022. Hiện nay còn nợ số tiền 40.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh Quân và vợ là chị Huệ thanh toán trả anh số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng.

Về tiền lãi: chị yêu cầu trả tiền lãi là 10%/ năm, tính từ ngày từ ngày chốt nợ, cho đến ngày xét xử.

Do điều kiện công việc chị đi làm, chị có đơn đề nghị xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến; Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Áp dụng khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị HĐXX xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Thanh H tổng số tiền nợ 46.000.000 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng; Tiền lãi là 6.000.000 đồng)

- Về án phí: Anh Quân; chị Huệ phải liên đới chịu 2.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]- Về tố tụng:

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Q; chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ có đơn xin vắng mặt khi xét xử là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự, để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt đương sự là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2.1. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền còn nợ mua sơn là 40.000.000 đồng. Các bên khi mua bán hàng hóa, tuy không làm hợp đồng mua bán, nhưng có thỏa thuận với nhau về việc mua bán và đã chốt nợ với nhau đối với số tiền còn nợ. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, nên xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

2.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn: Các đương sự không ai có ý kiến xem xét về thời hiệu.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền còn nợ mua sơn là 40.000.000 đồng và tiền lãi 16/11/2022 cho đến ngày xét xử 18 tháng = 6.000.000 đồng

HĐXX thấy rằng: Qua các lời khai của đương sự nguyên đơn; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; Thể hiện giữa các bên có chốt nợ với nhau tiền mua sơn, số tiền còn nợ tính đến ngày 23/01/2020 nợ tiền gốc là 90.000.000 đồng, anh Quân đã ký. Sau khi chốt nợ bị đơn anh Quân đã thanh toán trả cho anh Tuấn cụ thể như sau: ngày 15/3/2021 trả 10.000.000 đồng do anh Quân ký; Ngày 18/5/2021 trả 10.000.000 đồng do anh Quân ký; Ngày 04/1/2021 anh Quân chuyển khoản trả 15.000.000 đồng; đến ngày 16/11/2022 anh Quân chuyển khoản trả 15.000.000 đồng. Tổng số tiền là 50.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền gốc là 40.000.000 đồng; Do vậy có cơ sở để khẳng định anh Nguyễn Văn Q còn nợ số tiền 40.000.000 đồng như nguyên đơn khởi kiện là có thật.

Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền còn nợ 40.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 của Bộ luật dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H (Vợ anh Quân), đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh Quân; chị Huệ không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, không gửi bản khai và các tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Do đó anh Quân và chị Huệ đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi là 10%/năm của số tiền còn nợ 40.000.000 đồng tính từ ngày 16/11/2022 cho đến ngày xét xử 18 tháng = 6.000.0000 đồng.

HĐXX thấy rằng:

Về việc tính lãi suất: Trong các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp không thể hiện hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả. Tuy nhiên kể từ thời điểm chốt nợ lần đầu ngày 23/01/2020 bên bị đơn đã thanh toán trả cho nguyên đơn nhiều lần, lần trả cuối cùng trả vào ngày 16/11/2022. Tổng số tiền bị đơn anh Quân đã trả là 50.000.000 đồng, Từ ngày 16/11/2022 gia đình anh Tuấn đã đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh Quân không trả được, do vậy anh Quân, chị Huệ đã vi phạm về nghĩa vụ trả tiền kể từ thời điểm trả nợ lần cuối cùng ngày 16/11/2022. Tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, thì phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”.

Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn Quân, chị Huệ phải trả số tiền lãi 10%/ năm, của số tiền 40.000.000 đồng tính từ ngày chốt nợ ngày 16/11/2022 đến ngày xét xử tính tròn là

18 tháng = 6.000.0000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Như vậy tổng số tiền anh Quân và chị Huệ phải trả cho vợ chồng anh Tuấn và chị Hà là 45.999.000 đồng (trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng; Nợ lãi 6.000.000 đồng).

[5]- Về án phí: Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị đơn anh Quân, chị Huệ phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do vậy nguyên đơn Tuấn không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả anh Tuấn số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[6]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288, khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Thanh H tổng số tiền nợ 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) Trong đó (Tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng; Tiền lãi là 6.000.000 đồng)

2. Về án phí: Anh Quân, chị Huệ phải liên đới chịu 2.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.630.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0003567 ngày 06/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuận